

Ngày 22 tháng 01 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,214.38	723	14,615,000
Được chi trong ngày					14,615,000
Đã chi trong ngày					14,615,000
1. Dịch vụ					1,453,200
1	Dịch vụ thu		0	377	0
2	Dịch vụ thu		4,200	346	1,453,200
3			0	346	0
2. Kho					2,917,000
 Ăn sáng					391,000
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	17	391,000
 Ăn chính					2,526,000
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	31	713,000
2	Sữa Meta Care Kinder	Kg	259,000	7	1,813,000
3. Đi chợ					10,244,800
 Ăn sáng					3,345,800
1	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	5	125,000
2	Đậu cove	Kg	25,000	3	75,000
3	Đậu Hà Lan	Hộp	50,000	4	200,000
4	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.1	88,000
5	Tỏi	Kg	150,000	0.9	135,000
6	Dầu thực vật	Chai	50,000	2	100,000
7	Xúc xích	Bịch	25,000	10	250,000
8	Chả lụa	Kg	150,000	7	1,050,000
9	Lạp xưởng	Kg	170,000	4	680,000
10	Trứng gà	Quả	4,000	85	340,000
11	Đường cát	Kg	30,000	1	30,000
12	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
13	Muối iốt	Gói	4,000	1.33	5,300
14	hạt màu điều	Chai	10,000	3	30,000
15	Ngò rí	Kg	50,000	1	50,000
16	Hành lá	Kg	50,000	1	50,000
17	Bắp Mỹ trái	Trái	10,000	10	100,000
 Ăn chính					6,899,000
1	Khoai sọ	Kg	35,000	3	105,000
2	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.1	88,000
3	Tỏi	Hộp	150,000	0.7	105,000
4	Dưa hồng	Kg	25,000	13	325,000
5	Dầu thực vật	Kg	50,000	2	100,000
6	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Chai	130,000	1.5	195,000
7	Cá thu	Bịch	250,000	9	2,250,000
8	Tôm biển	Kg	200,000	6	1,200,000
9	Trứng vịt	Kg	4,000	20	80,000
10	Đường cát	Quả	30,000	3.5	105,000
11	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.6	40,000
12	Dầu hào maggi	Chai	35,000	2	70,000
13	Muối iốt	Gói	4,000	1.05	4,200
14	Ngò rí	Chai	50,000	1.4	70,000
15	Hành lá	Kg	50,000	1.2	60,000

16	Sữa chua uống Ánh Hồng	Kg	4,400	377	1,658,800
17	Bột khoai (nấu chè)	Trái	50,000	0.8	40,000
18	Bột bắp	Kg	60,000	0.8	48,000
19	Đường phèn	Kg	35,000	1	35,000
20	Nước cốt dừa	Hũ	30,000	2	60,000
21	Vani (bột)	Ống	1,000	10	10,000
22	Lá dứa	Bó	3,000	5	15,000
23	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	50,000	4	200,000
24	Bột báng	Kg	50,000	0.7	35,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					39,053,424
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					156,109,176
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					10,730
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					216,780,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					216,780,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phạm Thị Ngà



Pho hiệu trưởng

Phan Thị Hồng Hué